

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-PT

Ngày: 22/01/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Quách Tố Giang.

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Minh Phượng;

ông Trần Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 219/2020/TLPT-DS ngày 26/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 221/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 245/2020/QĐ-PT ngày 01/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông A, sinh năm 1959;

Nơi cư trú: số 99 Tôn Thất Thuyết, khóm K 1, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông D, sinh năm 1963; nơi cư trú: ấp T 2, thị trấn M, huyện P, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 17/3/2020) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đ, Văn phòng Luật sư P, Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông B, sinh năm 1943 (có mặt);

2. Bà C, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Tổ 12, ấp B 1, xã N, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C là ông E, sinh năm 1982, nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện P, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 09/01/2020) (có mặt).

- Người làm chứng: bà G, sinh năm 1990 (có mặt).

Người kháng cáo: ông E, người đại diện theo ủy quyền của bà C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải ông D đại diện nguyên đơn trình bày: Do quen biết nên ông A cho ông B, bà C vay tiền nhiều lần là 900.000.000 đồng, do ông B nhận tiền, sau đó có trả 200.000.000 đồng, do ông B trả, nên còn nợ lại 700.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 1,5%/tháng, khi nhận tiền ông B viết và ký tên biên nhận. Việc vay tiền này, ông B trực tiếp nhận tiền nhưng bà C đều biết do ở chung trong nhà ông B, đem tiền cùng kinh doanh mua bán vật tư nông nghiệp với con ruột. Đến nay ông B, bà C không trả vốn và cũng không trả lãi như thỏa thuận, ông A có đòi nhiều lần nhưng ông B bà C hứa lần lựa không trả. Nay yêu cầu ông B và bà C phải trả cho ông A số tiền vay là 700.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 21/2019/QĐ.KCTT, ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện P đối với tài sản của ông B, bà C.

Ông B trình bày: Do quen biết nên ông có vay của ông A nhiều lần, có trả được 200.000.000 đồng, đến nay còn nợ lại 700.000.000 đồng. Ông vay tiền mục đích để đưa cho con ruột là H, sinh năm 1969 và vợ là I, sinh năm 1971, hộ khẩu thường trú ấp B 1, xã N, huyện P, tỉnh An Giang, bán vật tư nông nghiệp, hiện nay đi làm ăn xa không có ở nhà, còn vợ ông là C không biết việc vay tiền này.

Nay ông thừa nhận còn nợ ông A số tiền 700.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn nên ông xin khi nào bán được nhà và đất mà Tòa án đã phong tỏa sẽ trả cho ông A (50% nhà và đất, vì phần còn lại là của vợ ông), vợ ông C không có trách nhiệm trả nợ với ông.

Ông E đại diện theo ủy quyền của bà C trình bày: Việc vay tiền của ông A bà C hoàn toàn không biết nên bà C không đồng ý trả nợ cùng với ông B. Bà C đồng ý cho ông B bán tài sản nhà và đất (50%) mà Tòa án đã phong tỏa để trả nợ cho ông A.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 221/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông B và bà C về “Hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc ông B và bà C cùng phải trả cho ông A số tiền vốn vay là 700.000.000đ đồng (bảy trăm triệu đồng).

- Duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 21/2019/QĐ-BPKCTT, ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện P đối với tài sản của ông B và bà C đến khi thi hành án xong cho ông A.

- Hoàn trả tiền thực hiện biện pháp bảo đảm cho ông A số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) theo biên lai A ngày 17/12/2019 của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông Việt Nam – Chi nhánh huyện P khi bản án có hiệu lực.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 09 năm 2020, ông E, người đại diện theo ủy quyền của bà C kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại trách nhiệm liên đới của bà C trong việc cùng trả nợ cho ông A, xem xét lại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 21/2019/QĐ-BPKCTT, ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện P.

Phiên tòa phúc thẩm mở ngày 25/12/2020, Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu bị đơn cung cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh của hàng vật tư nông nghiệp tại nhà ông B, bà C và biên lai, chứng từ chứng minh việc nhận tiền hàng tháng từ con gái Lê Thị Diễm.

Bị đơn đã cung cấp:

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh tên H và Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh tên L, cùng địa điểm kinh doanh số 598, tổ 12, ấp B 1, xã N, huyện P, tỉnh An Giang.

- Bản sao chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật cấp cho L.

- Bản sao sổ hộ khẩu hộ H

- Bản photo Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn từ ngày 01/8/2020 đến 30/11/2020 của khách hàng Nguyen Thi Nho (có đóng dấu treo và giáp lai của Ngân hàng Sacombank phòng giao dịch P).

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của bà C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn cung cấp bản photo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh tên B, địa điểm kinh doanh số 476, tổ 12, ấp B 1, xã N, huyện P, tỉnh An Giang.

Ông E đại diện theo ủy quyền của bà C trình bày: Việc vay tiền là giữa ông B và ông A. Bà C hoàn toàn không biết. Theo trình bày của ông A, ông B, việc vay nợ, mượn tiền đều diễn ra tại nhà ông Lê Văn Hon. Ông A là cán bộ Ngân hàng nên phải biết việc hỏi nợ, mượn nợ là phải ký tên, nhưng bà C không có ký tên. Ông B mượn nợ để cho con là H và vợ là I, vợ chồng bà C không nhận sinh

lời từ vợ chồng ông H. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo, không buộc trách nhiệm liên đới của bà C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư Đ trình bày: bị đơn khai là vay cho con, nguyên đơn khai là vay kinh doanh. Tài liệu chứng cứ thể hiện ông B vay tiền nhiều lần, tổng cộng vay 900 triệu đồng, đã trả 200 triệu đồng, còn lại 700 triệu đồng theo Biên nhận ngày 05/12/2018. Vì vậy, bà C cho rằng không biết việc vay tiền của ông B là không đúng. Biên bản hòa giải tại sơ thẩm thể hiện khi bán đất trả 200 triệu đồng cho ông A, bà C đã biết việc vay tiền và không phản đối. Điều này cũng phù hợp với lời trình bày của ông A tại phiên tòa phúc thẩm là có một lần ông đến nhà thu lãi và bà C cũng không ý kiến. Mặc dù tiền là do ông B vay, nhưng sinh lợi chung gia đình thì vợ chồng phải chịu trách nhiệm. Điều này phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ông D đại diện nguyên đơn trình bày: tại phiên tòa ngày 25/12/2020, ông có trình bày việc ông B vay tiền mục đích cho con là H và vợ là I, đó là theo lời trình bày của ông B.

Ông A trình bày: thống nhất với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông B trình bày: ông đứng vay của ông A để đưa cho con là H, không cho bà C biết. Khi bán đất được 700 triệu đồng, trả Ngân hàng 500 triệu đồng, còn 200 triệu đồng thì ông đem trả cho ông A, lúc này bà C mới biết.

Ông E đại diện theo ủy quyền của bà C tranh luận: Khi trả 200 triệu đồng cho ông A là ông B giấu bà C. Bà C đã cao tuổi nên bị bệnh là bình thường. Vào thời điểm vay nợ ông A, vợ chồng ông B không có làm ăn kinh doanh. Các con của bà C, ông B đều đã ra riêng. Ông B vay nợ cho con, bà C không liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tính hợp pháp của kháng cáo: ông E là người đại diện theo ủy quyền của bà C kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn nên Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý là đúng quy định tại Điều 273 và Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết đối với Bản án sơ thẩm có kháng cáo:

Ông B thừa nhận có vay của ông A nhiều lần với số tiền 900.000.000 đồng, đã trả được 200.000.000 đồng, còn nợ 700.000.000 đồng; ông B vay tiền với mục đích đưa cho vợ chồng con trai là ông H và bà I mua bán vật tư nông nghiệp. Biên nhận ngày 05/12/2018 thể hiện ông B vay của ông A 700.000.000

đồng, ông B là người trực tiếp nhận tiền của ông A. Ông B khai từ khi vay đến ngày 05/12/2018, ông B đã đóng lãi cho ông A lãi suất mỗi tháng 2% nhưng ông B không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền lãi đã đóng và phía ông A cũng không thừa nhận nên không có cơ sở để xem xét lại số tiền đóng lãi ông B đã đóng cho ông A.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/12/2020, ông D là người đại diện theo ủy quyền của ông A khai là ông B vay tiền là để đưa cho con là H kinh doanh. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để thu thập giấy phép kinh doanh. Tại phiên tòa hôm nay, ông D không thừa nhận lời trình bày tại phiên tòa 25/12/2020.

Trong quá trình tạm ngừng phiên tòa, ông E là người đại diện của bà C cung cấp các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh H và L. Ngành nghề kinh doanh: mua bán lúa, nếp và phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

Với các chứng cứ mới mà bị đơn cung cấp đã thể hiện ông B vay tiền mục đích để đưa cho con là ông H kinh doanh, không phải vay để lo cho nhu cầu thiết yếu của gia đình và kinh doanh chung của vợ chồng nên không có cơ sở buộc bà C có trách nhiệm liên đới cùng ông B trả nợ cho ông A. Ông E là người đại diện theo ủy quyền của bà C kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ cho ông A có cơ sở chấp nhận.

Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 21/2019/QĐ-BPKCTT ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện P phong tỏa tài sản là nhà và đất do ông B, bà C đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng. Bà C đồng ý bán 50% nhà và đất để trả nợ cho ông A sẽ được giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

Đối với việc ông B vay tiền để đưa cho vợ chồng con trai là ông H, bà I kinh doanh, ông B thừa nhận mình là người trực tiếp viết biên nhận và nhận tiền của ông A, ông B đồng ý một mình trả nợ cho ông A nên không cần thiết đưa ông H, bà I tham gia với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Nếu sau này, ông B, ông H, bà I có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ kiện khác.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của ông E là người đại diện theo ủy quyền của bà C; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 221/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A, buộc ông B có trách nhiệm trả cho ông A số tiền vốn vay 700.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đối với việc yêu cầu bà C liên đới cùng ông B trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông E, người đại diện theo ủy quyền của bà C kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn nên Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

[2.1] Biên nhận ngày 05/12/2018 thể hiện ông B có mượn của ông A số tiền 700.000.000 đồng. Nội dung này được ông B thừa nhận. Chứng tỏ giữa ông A và ông B đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông A khởi kiện là phù hợp quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Về trách nhiệm liên đới của bà C:

Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc các giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này; vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này. Như vậy, theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, trách nhiệm liên đới của vợ, chồng được quy định trong các trường hợp cụ thể và cần phải chứng minh.

Biên nhận ngày 05/12/2018 thể hiện ông B có mượn của ông A số tiền 700.000.000 đồng, không thể hiện mục đích vay tiền. Ông B cho rằng vay tiền với mục đích đưa cho vợ chồng con trai là ông H và bà I mua bán vật tư nông nghiệp. Ông A cho rằng ông B vay để kinh doanh. Nhưng trong suốt quá trình tố tụng, ông A không cung cấp chứng cứ chứng minh được việc vay tiền của ông B nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu hoặc việc vay tiền này phù hợp với các quy định về đại diện của vợ chồng trong các giao dịch do một bên thực hiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng khi ông B trả 200.000.000 đồng cho ông A, bà C biết nhưng không phản đối, và tiền vay nhằm mục đích kinh doanh chung vợ chồng nên bà C phải có trách nhiệm liên đới cùng ông B trả nợ cho ông A. LỜI TRÌNH BÀY NÀY KHÔNG ĐƯỢC ÔNG B, BÀ C THỪA NHẬN. Ngoài bản photo giấy đăng ký kinh doanh hộ B, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Vì vậy, mặc dù là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nhưng không đủ cơ sở để tuyên buộc trách nhiệm liên đới của bà C. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông E là người đại diện theo ủy quyền của bà C, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 221/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện P như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.3] Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 21/2019/QĐ-BPKCTT ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện P phong tỏa tài sản là nhà và đất do ông B, bà C đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng: xét thấy cần duy trì Quyết định này để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của ông B cho ông A. Mặc dù đây là trách nhiệm riêng của ông B nhưng do ông B không có tài sản

riêng nên cần duy trì để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của ông E là người đại diện theo ủy quyền của bà C về xem xét lại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 21/2019/QĐ-BPKCTT ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện P. Việc Bà C đồng ý bán 50% nhà và đất để trả nợ cho ông A sẽ được giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

[3] Đối với việc ông B vay tiền để đưa cho vợ chồng con trai là ông H, bà I kinh doanh, ông B thừa nhận mình là người trực tiếp viết biên nhận và nhận tiền của ông A, ông B đồng ý một mình trả nợ cho ông A nên không cần thiết đưa ông H, bà I tham gia với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Nếu sau này, ông B, ông H, bà I có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ kiện khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: do các đương sự đều là người cao tuổi, có đơn, yêu cầu miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên căn cứ khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông E không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông E là người đại diện theo ủy quyền của bà C.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 221/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện P.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông B. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A về trách nhiệm liên đới của bà C.

Buộc ông B có trách nhiệm trả cho ông A số tiền vốn vay là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 21/2019/QĐ-BPKCTT ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, bằng hình thức phong tỏa tài sản là diện tích đất 433m², tờ bản đồ số 03, thửa 4313 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH1107 cấp ngày 13/01/2009, do ông B và bà C đứng tên, trên đất có căn nhà cấp 4, để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của ông B đối với khoản tiền vay của ông A.

Hoàn trả tiền thực hiện biện pháp bảo đảm cho ông A số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo Ủy nhiệm chi ngày 17/12/2019 của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông Việt Nam - Chi nhánh huyện P, tỉnh An Giang, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: các đương sự được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: ông E không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001452 ngày 09/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh;
- Tòa Dân sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Tố Giang